

TRẮC NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ

Câu 1. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Do nhân dân bầu
- B. Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước
- C. Do Chủ tịch nước giới thiệu
- D. Do Chính phủ bầu

Câu 2. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:

- A. Từ đủ 15 tuổi
- B. Từ đủ 18 tuổi
- C. Từ đủ 21 Tuổi
- D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 3. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:

- A. Pháp lệnh
- B. Luật
- C. Hiến pháp
- D. Nghị quyết

Câu 4. Trong Tuyên ngôn ĐCS của C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”.

Đại từ nhân xưng “các ông” trong câu nói trên muốn chỉ ai?:

- A. Các nhà làm luật
- B. Quốc hội, nghị viện
- C. Nhà nước, giai cấp thống trị
- D. Chính phủ

Câu 5. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, thì:

- A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân
- B. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- D. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

Câu 6. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:

- A. 2 kiểu pháp luật
- B. 3 kiểu pháp luật
- C. 4 kiểu pháp luật
- D. 5 kiểu pháp luật

Câu 7. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, có mấy cấp xét xử:

- A. 2 cấp
- B. 3 cấp
- C. 4 cấp
- D. 5 cấp

Câu 8. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

- A. Luật tổ chức Quốc hội
- B. Luật tổ chức Chính phủ
- C. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND
- D. Hiến pháp

Câu 9. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

- A. Áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.
- B. Áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 10. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:

- A. Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc.
- B. Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.
- C. Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 11. Mỗi một điều luật:

- A. Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.
- B. Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL
- C. Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 12. Khẳng định nào là đúng:

- A. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.
- B. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.
- C. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

- B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi
- C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi
- D. Dưới 21 tuổi

Câu 20. Khẳng định nào là đúng:

- A. Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật
- B. Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật
- C. Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật
- D. Cả A và B

Câu 21. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Tòa án nhân dân
- D. Viện kiểm sát nhân dân

Câu 22. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

- A. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- B. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- C. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.
- D. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Câu 23. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

- A. Tòa kinh tế
- B. Tòa hành chính
- C. Tòa dân sự
- D. Tòa hình sự

Câu 24. Hình thức ADPL nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. ADPL

Câu 25. Hoạt động áp dụng tương tự quy phạm là:

- A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.
- B. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.
- C. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 26. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xuất hiện từ khi nào:

- A. Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô
- B. Từ khi xuất hiện nhà nước phong kiến
- C. Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản
- D. Từ khi xuất hiện nhà nước XHCN

Câu 27. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:

- A. Tòa án nhân dân huyện
- B. Tòa án nhân dân tỉnh
- C. Tòa án nhân dân tối cao
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 28. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:

- A. Khi có QPPL điều chỉnh QHXXH tương ứng
- B. Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể
- C. Khi xảy ra SKPL
- D. Cả A, B và C

Câu 29. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Luật, nghị quyết
- B. Luật, pháp lệnh
- C. Pháp lệnh, nghị quyết
- D. Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

Câu 30. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:

- A. Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh
- B. Ngành luật đó phải có phương pháp điều chỉnh
- C. Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL
- D. Cả A và B

Câu 31. UBND và chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Nghị định, quyết định
- B. Quyết định, chỉ thị
- C. Quyết định, chỉ thị, thông tư
- D. Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

Câu 32. Theo quy định của Hiến pháp 1992, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Tổng bí thư
- D. Thủ tướng chính phủ

Câu 33. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:

- A. Ban hành mới VBPL
- B. Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành
- C. Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành
- D. Cả A, B và C.

Câu 34. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:

- A. Nghị quyết
- B. Nghị định
- C. Nghị quyết, nghị định
- D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 35. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:

- A. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.
- B. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức
- C. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 36. Khẳng định nào là đúng:

- A. Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm
- B. Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự
- C. Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm
- D. Cả B và C

Câu 37. Tuân thủ pháp luật là:

- A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.
- B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. Cả A và B

Câu 38. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỹ luật

Câu 39. Thi hành pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. A và B đều đúng

Câu 40. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát, tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:

A. Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 41. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

A. VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

B. VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

C. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C.

Câu 42. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:

A. Luôn luôn chứa đựng các QPPL

B. Mang tính cá biệt – cụ thể

C. Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 43. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A. Ngành luật đất đai
B. Ngành luật lao động
C. Ngành luật quốc tế
D. Ngành luật đầu tư

Câu 44. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A. Ngành luật kinh tế
B. Ngành luật hành chính
C. Ngành luật quốc tế
D. Ngành luật cạnh tranh

Câu 45. Chế định “Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hành chính
B. Ngành luật dân sự
C. Ngành luật quốc tế
D. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)

Câu 46. Chế định “Giao dịch dân sự” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật kinh tế
B. Ngành luật tài chính
C. Ngành luật đất đai
D. Ngành luật dân sự

Câu 47. Chế định “Khởi tố bị can và hỏi cung bị can” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật dân sự
B. Ngành luật tố tụng dân sự
C. Ngành luật tố tụng hình sự
D. Ngành luật hành chính

Câu 48. Chế định “Điều tra” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật tố tụng hình sự
B. Ngành luật tố tụng dân sự
C. Ngành luật hình sự
D. Ngành luật dân sự

Câu 49. Chế định “Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hình sự
B. Ngành luật tố tụng hình sự
C. Ngành luật dân sự
D. Ngành luật kinh tế

Câu 50. Chế định “Xét xử phúc thẩm” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật hôn nhân và gia đình
B. Ngành luật tài chính
C. Ngành luật nhà nước
D. Ngành luật tố tụng dân sự

Câu 51. Theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội Việt Nam năm 2001:

- A. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức chuyên trách.
B. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.
C. Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức vừa có các đại biểu kiêm nhiệm, vừa có các đại biểu chuyên trách.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 52. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992:

A. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân Thủ đô Hà Nội.

B. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.

C. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi đại biểu được bầu ra.

D. Cả A và C

Câu 53. Sử dụng pháp luật:

A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 54. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định của QPPL trong thực tiễn.

B. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định và quy định của QPPL trong thực tiễn.

C. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 55. Toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm:

A. Toà án nhân dân cấp huyện xét xử theo thẩm quyền do luật định

B. Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo thẩm quyền do luật định

C. Các toà chuyên trách thuộc toà án nhân dân tối cao xét xử theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 56. Các đặc điểm, thuộc tính của chế định pháp luật:

A. Là hệ thống nhỏ trong ngành luật hoặc phân ngành luật

B. Là một nhóm những các QPPL có quan hệ chặt chẽ với nhau điều chỉnh một nhóm các QHXX cùng loại – những QHXX có cùng nội dung, tính chất có quan hệ mật thiết với nhau.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 57. Sự thay đổi hệ thống QPPL có thể được thực hiện bằng cách:

A. Ban hành mới; Sửa đổi, bổ sung

- B. Đình chỉ; Bãi bỏ
- C. Thay đổi phạm vi hiệu lực
- D. Cả A, B và C

Câu 58. Quyết định ADPL:

- A. Nội dung phải đúng thẩm quyền cơ quan và người ký (ban hành) phải là người có thẩm quyền ký.
- B. Phải phù hợp với văn bản của cấp trên.
- C. Phải phù hợp với lợi ích của nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Cả A, B và C

Câu 59 Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

- A. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất
- B. Tàn dư, tập tục đã lỗi thời của xã hội cũ còn rơi rớt lại
- C. Trình độ dân trí và ý thức pháp luật thấp của nhiều tầng lớp dân cư
- D. Cả A, B và C

Câu 60. Đâu là hình thức xử phạt bổ sung trong các hình thức xử phạt hành chính:

- A. Cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm
- B. Cảnh cáo và tước quyền sử dụng giấy phép
- C. Phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép
- D. Tước quyền sử dụng giấy phép và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

Câu 61. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Hình thức bên ngoài của pháp luật là nguồn của pháp luật
- B. Hình thức bên trong của pháp luật là nguồn của pháp luật
- C. Cả hình thức bên trong và hình thức bên ngoài của pháp luật đều là nguồn của pháp luật
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 62. Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội thuộc:

- A. Cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Lực lượng sản xuất

Câu 63. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong trong số các loại văn bản sau của HTPL Việt Nam:

- A. Quyết định
- B. Nghị định
- C. Thông tư
- D. Chỉ thị

Câu 64. Bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có bao nhiêu bộ:

- A. 16 Bộ
C. 18 Bộ
- B. 17 Bộ
D. 19 Bộ

Câu 65. Khẳng định nào là đúng:

- A. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL
B. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp.
C. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp.
D. Cả A, B và C đều sai

Câu 66. Điều 57 Hiến pháp Việt Nam 1992 quy định: “Công dân Việt Nam có quyền kinh doanh theo quy định của pháp luật”, nghĩa là:

- A. Mọi công dân Việt Nam đều có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.
B. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ cán bộ, công chức.
C. Mọi công dân Việt Nam được quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, trừ đảng viên.
D. Cả A và B đều sai

Câu 67. Nhận định nào đúng:

- A. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng kế thừa kiểu pháp luật trước
B. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước
C. Kiểu pháp luật sau chỉ tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước nhưng không kế thừa kiểu pháp luật trước
D. Cả A và B đều đúng

Câu 68. Người lao động có quyền:

- A. Tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc
B. Lựa chọn nghề và nơi học nghề phù hợp
C. Làm việc cho nhiều chủ sử dụng lao động nhưng phải đảm bảo các điều kiện đã cam kết, thỏa thuận
D. Cả A, B và C

Câu 69. Theo pháp luật lao động Việt Nam, quy định chung về độ tuổi lao động là:

- A. Từ đủ 9 tuổi
C. Từ đủ 18 tuổi
- B. Từ đủ 15 tuổi
D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 70. Theo quy định chung của pháp luật lao động Việt Nam, xét về độ tuổi:

- A. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 15 tuổi.
B. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 18 tuổi
C. Người sử dụng lao động và người lao động phải từ đủ 21 tuổi

D. Người sử dụng lao động phải từ đủ 18 tuổi còn người lao động phải từ đủ 15 tuổi

Câu 71. Khẳng định nào đúng:

- A. Bản chất của nhà nước sẽ quyết định chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- B. Nhiệm vụ cơ bản của nhà nước là cơ sở để xác định số lượng, nội dung, hình thức thực hiện các chức năng của nhà nước.
- C. Chức năng nhà nước là phương tiện thực hiện nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.
- D. Cả A, B và C

Câu 72. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của bộ máy hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A. Ủy ban thể dục, thể thao
- B. Ủy ban dân số gia đình và trẻ em
- C. Văn phòng chính phủ
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 73. Cơ quan nào là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXNCN Việt Nam:

- A. Chủ tịch nước
- B. Chính phủ
- C. Quốc hội
- D. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Câu 74. Các thuộc tính của pháp luật là:

- A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)
- B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- C. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 75. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chỉ có Nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật để quản lý xã hội.
- B. Không chỉ nhà nước mà cả TCXH cũng có quyền ban hành pháp luật.
- C. TCXH chỉ có quyền ban hành pháp luật khi được nhà nước trao quyền.
- D. Cả A và C

Câu 76. Hiệu lực về không gian của VBQPPL Việt Nam được hiểu là:

- A. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài và phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

B. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài.

C. Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài, phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 77. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng cho một lần duy nhất và hết hiệu lực sau lần áp dụng đó.

B. Áp dụng cho một lần duy nhất và vẫn còn hiệu lực sau lần áp dụng đó.

C. Áp dụng cho nhiều lần và vẫn còn hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

D. Áp dụng cho nhiều lần và hết hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

Câu 78. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là thuộc tính (đặc trưng) của:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. QPPL

D. Quy phạm tôn giáo

Câu 79. Đặc điểm của QPPL khác so với quy phạm xã hội thời kỳ CXNT.

A. Thể hiện ý chí của giai cấp thống trị; Nội dung thể hiện quan hệ bất bình đẳng trong xã hội.

B. Có tính bắt buộc chung, tính hệ thống và thống nhất cao.

C. Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước, chủ yếu bởi sự cưỡng chế.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 80. Tòa án nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

A. Tòa hình sự

B. Tòa hình sự, tòa kinh tế

C. Tòa hành chính, tòa hình sự

D. Tòa dân sự, tòa hành chính

Câu 81. Thỏa ước lao động tập thể là văn bản được ký kết giữa:

A. Người lao động và người sử dụng lao động

B. Người sử dụng lao động và đại diện người lao động

C. Người lao động và đại diện người lao động

D. Cả A, B và C

Câu 82. Chức năng của pháp luật:

A. Chức năng lập hiến và lập pháp

B. Chức năng giám sát tối cao

C. Chức năng điều chỉnh các QHXX

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 83. Chủ thể của QHPL là:

A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong một nhà nước.

B. Cá nhân, tổ chức được nhà nước công nhận có khả năng tham gia vào các QHPL.

C. Cá nhân, tổ chức cụ thể có được những quyền và mang những nghĩa vụ pháp lý nhất định được chỉ ra trong các QHPL cụ thể.

D. Cả A, B và C

Câu 84. Ở các quốc gia khác nhau:

A. NLPL của các chủ thể pháp luật là khác nhau.

B. NLPL của các chủ thể pháp luật là giống nhau.

C. NLPL của các chủ thể pháp luật có thể giống nhau, có thể khác nhau.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 85. Khẳng định nào đúng:

A. QPPL mang tính bắt buộc chung.

B. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc chung.

C. Các quy phạm xã hội không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc nhưng không mang tính bắt buộc chung.

D. Cả A và C

Câu 86. TCXH nào sau đây không được Nhà nước trao quyền ban hành một số VBPL:

A. ĐCS Việt Nam

B. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

C. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

D. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Câu 87. NLHV là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 88. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự đầy đủ:

A. Từ đủ 16 tuổi

B. Từ đủ 18 tuổi

C. Từ đủ 21 tuổi

D. Từ đủ 25 tuổi

Câu 89. Chế tài của QPPL là:

- A. Hình phạt nghiêm khắc của nhà nước đối với người có hành vi vi phạm pháp luật.
- B. Những hậu quả pháp lý bất lợi có thể áp dụng đối với người không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của QPPL.
- C. Biện pháp cưỡng chế nhà nước áp dụng đối với người vi phạm pháp luật.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 90. Loại nguồn được công nhận trong HTPL Việt Nam:

- A. VBPL
- B. VBPL và tập quán pháp
- C. VBPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 91. Người bị mất NLHV dân sự là người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác:

- A. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.
- B. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự kể cả khi chưa có kết luận của tổ chức giám định.
- C. Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 92. Khẳng định nào là đúng:

- A. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi thực hiện pháp luật.
- B. Hành vi vi phạm pháp luật không phải là hành vi thực hiện pháp luật.
- C. Hành vi vi phạm pháp luật cũng có thể là hành vi thực hiện pháp luật cũng có thể không phải là hành vi thực hiện pháp luật.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 93. Hoạt động ADPL:

- A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.
- B. Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.
- C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 94. Hoạt động áp dụng tương tự pháp luật (hay tương tự luật) là:

- A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

B. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

C. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 95. Khẳng định nào là đúng:

A. Cơ quan của TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL.

B. Cơ quan của TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

C. Cơ quan của TCXH chỉ có quyền thực hiện hình thức ADPL khi được nhà nước trao quyền.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 96. Thủ tướng chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, chỉ thị

C. Quyết định, chỉ thị, thông tư

D. Quyết định, chỉ thị

Câu 97. Đâu là VBPL:

A. Văn bản chủ đạo

B. VBQPPL

C. Văn bản ADPL hay văn bản cá biệt – cụ thể

D. Cả A, B và C

Câu 98. Bộ trưởng có quyền ban hành những loại VBPL nào:

A. Nghị định, quyết định

B. Nghị định, quyết định, thông tư

C. Nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị

D. Quyết định, thông tư, chỉ thị

Câu 99. Khẳng định nào là đúng:

A. Chủ thể của pháp luật hành chính là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác

B. Chủ thể của pháp luật hành chính chỉ là các cơ quan, nhân viên nhà nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 100. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước, công dân và các tổ chức khác

- B. Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, nhân viên nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 101. Tùy theo mức độ phạm tội, tội phạm hình sự được chia thành các loại:

- A. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- B. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng
- C. Tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- D. Tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng; tội phạm rất nghiêm trọng; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 102. Tuân thủ pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả B và C

Câu 103. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

- A. Bộ Luật
- B. Pháp lệnh
- C. Thông tư
- D. Chỉ thị

Câu 104. Chủ thể có hành vi trái pháp luật, thì:

- A. Phải chịu trách nhiệm pháp lý
- B. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý
- C. Có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 105. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

- A. VBPL chỉ áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- B. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- C. VBPL áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước và sau thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 106. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

- A. Ngành luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh
- B. Đạo luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 107. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

A. Đạo luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của ngành luật

B. Ngành luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của đạo luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 108. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam

A. Ngành luật hiến pháp (ngành luật nhà nước)

B. Ngành luật dân sự

C. Ngành luật hôn nhân và gia đình

D. Ngành luật hàng hải

Câu 109. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật lao động

B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật tố tụng dân sự

D. Ngành luật nhà ở

Câu 110. Chế định “Hình phạt” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật lao động

B. Ngành luật hành chính

C. Ngành luật hình sự

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 111. Chế định “Tài sản và quyền sở hữu” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật hôn nhân và gia đình

C. Ngành luật lao động

D. Ngành luật dân sự

Câu 112. Chế định “Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật đất đai

C. Ngành luật hành chính

D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 113. Chế định “Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật kinh tế

B. Ngành luật tố tụng hình sự

C. Ngành luật đất đai

D. Ngành luật lao động

Câu 114. Chế định “Người tham gia tố tụng” thuộc ngành luật:

- A. Ngành luật hành chính
- B. Ngành luật nhà nước (ngành luật nhà nước)
- C. Ngành luật tố tụng hình sự
- D. Ngành luật quốc tế

Câu 115. Chế định “Thủ tục giám đốc thẩm” thuộc ngành luật nào:

- A. Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)
- B. Ngành luật tố tụng dân sự
- C. Ngành luật đất đai
- D. Ngành luật kinh tế

Câu 116. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Khi một người chịu trách nhiệm về một sự việc nghĩa là người đó phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.
- B. Khi một người phải chịu trách nhiệm về một sự việc thì người đó có thể hoặc không phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự việc đó.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 117. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Chỉ có CQNN hoặc người có thẩm quyền mới thực hiện hình thức ADPL.
- B. Cơ quan TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.
- C. Cơ quan TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL khi nhà nước trao quyền.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 118. Về mặt cấu trúc, mỗi một QPPL:

- A. Phải có cả ba bộ phận cấu thành: giả định, quy định, chế tài
- B. Phải có ít nhất hai bộ phận trong ba bộ phận nêu trên
- C. Chỉ cần có một trong ba bộ phận nêu trên
- D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 119. Trong quá trình tố tụng:

- A. Chỉ có vụ án dân sự mới có giai đoạn khởi tố
- B. Chỉ có vụ án hình sự mới có giai đoạn khởi tố
- C. Cả vụ án dân sự và cả vụ án hình sự đều phải trải qua giai đoạn khởi tố
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 120. Các đặc điểm, thuộc tính của một ngành luật:

- A. Là một tiểu hệ thống lớn nhất của HTPL của một quốc gia

B. Mỗi ngành luật điều chỉnh một lĩnh vực QHXH nhất định có tính đặc thù

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 121. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Các nghị quyết của ĐCS được đưa ra sau sẽ làm mất hiệu lực các nghị quyết của ĐCS được đưa ra trước.

B. VBPL điều chỉnh cùng một lĩnh vực QHXH được ban hành sau sẽ tự động đình chỉ hiệu lực của VBPL ban hành trước đó.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 122. Các quyết định ADPL được ban hành:

A. Luôn luôn phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

B. Thông thường là phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng không có đầy đủ các bước để giải quyết công việc khẩn cấp.

C. Một cách chớp nhoáng không có đầy đủ các bước, các giai đoạn và không theo một trình tự nhất định.

D. Cả A, B và C

Câu 123. Quyết định ADPL:

A. Phải được ban hành kịp thời.

B. Phải đúng hình thức pháp lý và đúng mẫu quy định.

C. Nội dung phải cụ thể, lời văn phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.

D. Cả A, B và C

Câu 124. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật:

A. Hoạt động thù địch của các lực lượng phản động

B. Những thiếu sót trong hoạt động quản lý của nhà nước

C. Tồn tại số ít người bấp sinh có xu hướng tự do vô tổ chức

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 125. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định của QPPL trong thực tiễn.

B. SKPL là sự cụ thể hoá phần quy định của QPPL trong thực tiễn.

C. SKPL là sự cụ thể hoá phần chế tài của QPPL trong thực tiễn. **D.** Cả A, B và C đều sai

Câu 126. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

- A. Mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế
- B. Mang tính bắt buộc và mang tính cưỡng chế
- C. Không mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 127. Các tòa án chuyên trách của hệ thống tòa án nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động.
- B. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế.
- C. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, tòa hôn nhân gia đình.
- D. Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, hôn nhân gia đình, tòa hiến pháp

Câu 128. Các con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

- A. Tập quán pháp
- B. Tiền lệ pháp
- C. VBQPPL
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 129. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận
- B. Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 130. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận
- B. Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 131. Phần giả định của QPPL là:

- A. Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.
- B. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định.
- C. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 132. Quy phạm xã hội nào sau đây là quy tắc xử sự (quy tắc hành vi):

- A. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán
- B. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo
- C. Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo; Quy phạm của các TCXH
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 133. Xét về độ tuổi, người không có NLHV dân sự là người:

- A. Dưới 6 tuổi
- B. Dưới 14 tuổi
- C. Dưới 16 tuổi
- D. Dưới 18 tuổi

Câu 134. Điều kiện để trở thành chủ thể của QHPL:

- A. Có năng lực chủ thể pháp luật.
- B. Có NLPL.
- C. Có NLHV.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 135. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung) là thuộc tính (đặc trưng) của:

- A. QPPL
- B. Quy phạm đạo đức
- C. Quy phạm tập quán
- D. Quy phạm tôn giáo

Câu 136. Sự biến là:

- A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.
- B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.
- C. Những sự kiện xảy ra có thể phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người hoặc không phụ thuộc vào ý chí con người, tùy theo từng trường hợp cụ thể.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 137. Các phương thức thể hiện của pháp luật QPPL:

- A. Phương thức thể hiện trực tiếp
- B. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn
- C. Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn; Phương thức thể hiện mẫu
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 138. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

- A. Cá nhân; TCXH và doanh nghiệp
- B. CQNN và người có thẩm quyền
- C. TCXH khi được nhà nước trao quyền
- D. Cả B và C đều đúng

Câu 139. Tính chất của hoạt động ADPL:

- A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.
- B. Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.
- C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 140. Hành vi vi phạm pháp luật “gây rối trật tự công cộng” là:

- A. Hành vi vi phạm hành chính
- B. Hành vi vi phạm hình sự
- C. Hoặc A đúng hoặc B đúng
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 141. Chủ tịch nước có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Luật, quyết định
- B. Luật, lệnh
- C. Luật, lệnh, quyết định
- D. Lệnh, quyết định

Câu 142. Chính phủ có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Luật, pháp lệnh
- B. Pháp lệnh, nghị quyết
- C. Nghị quyết, nghị định
- D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 143. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. VBPL là một loại VBQPPL
- B. VBQPPL là một loại VBPL
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 144. Phương pháp quyền uy – phục tùng là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

- A. Ngành luật hình sự
- B. Ngành luật dân sự
- C. Ngành luật hành chính
- D. Cả A và C

Câu 145. Hiệu lực của VBQPPL bao gồm:

- A. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian
- B. Hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng
- C. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng
- D. Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

Câu 146. Sử dụng pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 147. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

- A. Luật
- B. Pháp lệnh

C. Thông tư

D. Chỉ thị

Câu 148. Sử dụng pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 149. Các loại vi phạm pháp luật:

A. Vi phạm hình sự

B. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính

C. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính và vi phạm dân sự

D. Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự và vi phạm kỉ luật

Câu 150. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

A. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

B. Được thực hiện nhiều lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

C. Chỉ được thực hiện một lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.

D. Được thực hiện nhiều lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.

Câu 151. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chỉ có vi phạm pháp luật mới phải chịu trách nhiệm pháp lý

B. Các vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm quy tắc tôn giáo, vi phạm tập quán,... đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 152. Các chủ thể có quyền thực hiện hình thức ADPL:

A. CQNN và người có thẩm quyền

B. Cá nhân; TCXH

C. TCXH khi được nhà nước trao quyền

D. Cả A và C đều đúng

Câu 153. Phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL:

A. Giả định hoặc quy định hoặc chế tài

- B. Điều luật
- C. QPPL
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 154. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

- A. Pháp luật là đạo đức tối thiểu
- B. Đạo đức là pháp luật tối đa
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 155. Các quyết định ADPL có thể được ban hành bằng hình thức:

- A. Bằng miệng
- B. Bằng văn bản
- C. Có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản tùy thuộc từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 156. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

- A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật
- B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật
- C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.
- D. Cả A, B và C

Câu 157. Sự tồn tại của pháp luật:

- A. Do nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước.
- B. Là một hiện tượng tất yếu, bất biến trong đời sống xã hội của loài người.
- C. Là do ý chí chủ quan của giai cấp thống trị.
- D. Yêu cầu khách quan của một xã hội có giai cấp.

Câu 158. Pháp luật là:

- A. Công cụ hạn chế sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.
- B. Công cụ đảm bảo sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.
- C. Công cụ đảm bảo sự tự do của các chủ thể này nhưng lại hạn chế sự tự do của các chủ thể khác trong xã hội.
- D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 159. Pháp luật là:

- A. Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.
- B. Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.
- C. Công cụ bảo đảm cho sự tự do cho cá nhân, tổ chức trong xã hội
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 160. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

- A. Bộ luật dân sự
- B. Bộ luật hình sự
- C. Hiến pháp
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 161. Phần quy định của QPPL:

- A. Là quy tắc xử sự mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.
- B. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.
- C. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 162. Điều kiện để một tổ chức tham gia vào một QHPL cụ thể:

- A. Chỉ cần có NLPL
- B. Chỉ cần có NLHV
- C. Có năng lực chủ thể pháp luật
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 163. Câu nói: “Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế thông qua pháp luật” có nghĩa là:

- A. Pháp luật chính là sự phản ánh các điều kiện tồn tại khách quan của xã hội.
- B. Đường lối, chính sách của đảng cầm quyền bị quy định bởi cơ sở kinh tế.
- C. Pháp luật của nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của đảng cầm quyền.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 164: Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

- A. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước
- B. Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 165: Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

- A. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.
- B. Tư pháp là lĩnh vực pháp luật vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.
- C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 166: Mỗi QPPL:

A. Phải có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành: giả định; quy định; chế tài.

B. Chỉ cần có hai trong ba yếu tố trên.

C. Chỉ cần có một trong ba yếu tố trên.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 167. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXH:

A. Quy phạm đạo đức

B. Quy phạm tập quán

C. Quy phạm tôn giáo

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 168. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXH:

A. QPPL

B. Quy phạm tôn giáo

C. Quy tắc quản lý của các TCXH

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 169. SKPL có thể:

A. Làm phát sinh một QHPL cụ thể

B. Làm thay đổi một QHPL cụ thể

C. Làm chấm dứt một QHPL cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 170. SKPL có thể:

A. Làm phát sinh một QHPL cụ thể

B. Làm phát sinh, thay đổi một QHPL cụ thể

C. Làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một QHPL cụ thể

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 171. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật bảo vệ môi trường

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 172. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

A. Pháp luật do giai cấp thống trị ban hành

B. Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 173. Loại nguồn được công nhận trong hệ thống VBPL Việt Nam:

- A. VBPL
- B. Tập quán pháp
- C. Tiền lệ pháp
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 174. Khẳng định nào là đúng:

- A. QPPL là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tôn giáo không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 175. Khẳng định nào là đúng:

- A. Quy phạm đạo đức là quy phạm xã hội
- B. Quy phạm tập quán không phải là quy phạm xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 176. Đối với các quy phạm xã hội không phải là QPPL, các chủ thể có phải tuân thủ không khi xử sự theo các quy phạm đó:

- A. Phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- B. Không phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó
- C. Có thể phải tuân thủ hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 177. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 178. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 179. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 180. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- B. Điều chỉnh các quan hệ xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 181. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)
- B. Bảo vệ các quan hệ xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 182. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

- A. Giáo dục hành vi con người
- B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 183. Người bị hạn chế NLHV dân sự là người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác:

- A. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình.
- B. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.
- C. Dẫn đến phá sản tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án, Viện kiểm sát có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 184. Hình thức thực hiện pháp luật nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Thi hành pháp luật
- C. Sử dụng pháp luật
- D. ADPL

Câu 185. Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Hiến pháp, luật
- B. Hiến pháp, luật, pháp lệnh
- C. Hiến pháp, luật, nghị quyết
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 186. Khẳng định nào là đúng:

- A. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.
- B. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.
- C. Nguồn của pháp luật nói chung là: VBQPPL; tập quán pháp; và tiền lệ pháp. Chỉ có VBQPPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 187: VBPL:

- A. Bắt buộc phải có QPPL
- B. Không có QPPL
- C. Có thể có hoặc không có QPPL
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 188. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

- A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung
- B. Phạt tiền và trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 189. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

- A. Hệ thống hình phạt được chia thành hai nhóm: hình phạt chính và hình phạt bổ sung
- B. Ngoài hệ thống hình phạt, pháp luật hình sự còn quy định thêm các biện pháp tư pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 190. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

- A. Phạt tiền và trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung
- B. Ngoài hệ thống hình phạt, pháp luật hình sự còn quy định thêm các biện pháp tư pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho hình phạt
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 191. Loại vi phạm pháp luật nào gây hậu quả lớn nhất cho xã hội:

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hành chính
- C. Vi phạm dân sự
- D. Vi phạm kỹ luật

Câu 192. HTPL nào sau đây là HTPL thành văn:

- A. HTPL Anh – Mỹ
C. HTPL XHCN
- B. HTPL châu Âu lục địa
D. Cả B và C đều đúng

Câu 193. HTPL nào sau đây là HTPL không thành văn:

- A. HTPL Anh – Mỹ
C. HTPL XHCN
- B. HTPL châu Âu lục địa
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 194. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

- A. Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt, vì được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể.
B. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai

Câu 195. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

- A. Hình thức thể hiện không chỉ là văn bản mà có thể bằng miệng.
B. Thông thường được ban hành bằng một thủ tục chặt chẽ và cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng, không có đầy đủ các bước để giải quyết những công việc khẩn cấp.
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai

Câu 196. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A. Ngành luật dân sự
C. Ngành luật doanh nghiệp
- B. Ngành luật tố tụng dân sự
D. Ngành luật tố tụng hình sự

Câu 197. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

- A. Ngành luật hình sự
C. Ngành luật tố tụng hình sự
- B. Ngành luật an ninh quốc gia
D. Ngành luật tài chính

Câu 198. Tuân thủ pháp luật:

- A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động
B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực
C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 199. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

- A. HTPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật
B. HTPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 200. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

A. Hệ thống VBPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

B. Hệ thống VBPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 201. Nhận định nào sau đây là đúng:

A. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

B. VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực của nó chấm dứt ngay khi được áp dụng

C. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

D. VBPL cá biệt được áp dụng một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi được áp dụng

Câu 202. Quyết định ADPL:

A. Có những tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) theo quy định của pháp luật.

B. Không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định).

C. Có thể có hoặc không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 203. Thực hiện quyết định ADPL:

A. Các đối tượng có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định

B. Cơ quan ban hành cũng như những cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm việc thi hành.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 204. VBPL chủ đạo là văn bản:

A. Chứa đựng những QPPL

B. Quy định những chủ trương, đường lối, chính sách, nhiệm vụ chung quan trọng

C. Được ban hành để giải quyết những vụ việc cá biệt, cụ thể

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 205. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

- A. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật
- B. Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật
- C. Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những vi phạm pháp luật.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 206. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Điều luật là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL
- B. QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL
- C. Cả điều luật và QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 207. Pháp luật là:

- A. Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.
- B. Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.
- C. Hiện tượng khách quan xuất hiện trong xã hội có giai cấp.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 208. Độ tuổi tối thiểu mà cá nhân có thể phải chịu trách nhiệm hành chính là:

- A. Từ đủ 14 tuổi
- B. Từ đủ 16 tuổi
- C. Từ đủ 18 tuổi
- D. Từ đủ 21 tuổi

Câu 209. Phần giả định của QPPL:

- A. Bộ phận nêu lên địa điểm, thời gian, chủ thể, các hoàn cảnh, tình huống có thể xảy ra trong thực tế để QPPL có thể áp dụng.
- B. Bộ phận nêu lên môi trường tác động của QPPL.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 210. Khẳng định nào đúng:

- A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.
- B. Hiến pháp là đạo luật nhằm mở rộng quyền lực.
- C. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
- D. Cả A và C đều đúng.

Câu 211. Khẳng định nào đúng:

- A. Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.
- B. Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
- C. Cả A và C đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 212. Chủ thể pháp luật là khái niệm để chỉ chủ thể pháp luật:

A. Một cách chung chung, không chỉ ra chủ thể cụ thể trong các trường hợp cụ thể

B. Một cách cụ thể, trong các trường hợp cụ thể

C. Có thể là cụ thể hoặc là chung chung, tùy từng trường hợp.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 213. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế, thì:

A. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế.

B. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật.

C. Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế, nhưng kinh tế có tính độc lập tương đối, tác động trở lại pháp luật.

D. Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật, nhưng pháp luật có tính độc lập tương đối, tác động trở lại kinh tế.

Câu 214. Năng lực pháp luật là:

A. Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

B. Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 215. Đạo luật điều chỉnh việc ban hành VBQPPL:

A. Luật tổ chức chính phủ

B. Hiến pháp

C. Luật tổ chức quốc hội

D. Luật ban hành VBQPPL

Câu 216. Hành vi là:

A. Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

B. Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 217. Con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

A. VBQPPL

B. VBQPPL và tập quán pháp

C. VBQPPL và tiền lệ pháp

D. VBQPPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp

Câu 218. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

- A. Chức năng điều chỉnh các QHXX
- B. Chức năng lập hiến và lập pháp
- C. Chức năng bảo vệ các QHXX
- D. Chức năng giáo dục

Câu 219. Câu khẳng định nào là đúng

- A. Năng lực pháp luật luôn mang tính giai cấp.
- B. NLHV không mang tính giai cấp.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 220. Câu khẳng định nào là đúng

- A. Năng lực pháp luật không mang tính giai cấp.
- B. NLHV luôn mang tính giai cấp.
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 221. Khẳng định nào là đúng:

- A. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ được NN thừa nhận
- B. Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- C. Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận
- D. Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

Câu 222. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

- A. Cá nhân, TCXH và doanh nghiệp
- B. CQNN, người có thẩm quyền
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 223. Khẳng định nào là đúng:

- A. VBPL là một loại VBQPPL
- B. VBQPPL là một loại VBPL
- C. VBPL có thể có quy phạm hoặc không có quy phạm

D. Cả B và C đều đúng

Câu 224. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

B. Mọi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật

C. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

D. Cả B và C đều đúng

Câu 225. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật

B. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

C. Cả B và C đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 226. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

B. Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi vi phạm pháp luật, có thể không phải là hành vi vi phạm pháp luật

C. Cả B và C đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 227. Nguyên tắc áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự và pháp luật hành chính là:

A. Có thể áp dụng một lúc nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một lúc được nhiều hình phạt chính, và chỉ áp dụng được một hình phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung

D. Chỉ có thể áp dụng được một hình phạt chính, và áp dụng được nhiều hình phạt bổ sung

Câu 228. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi:

A. Khi người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 229. Thi hành pháp luật là:

- A. Thực hiện các QPPL cho phép.
- B. Thực hiện các QPPL bắt buộc.
- C. Thực hiện các QPPL cấm đoán.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 230. HTPL của Nước CHXHCN Việt Nam hiện nay được chia thành mấy ngành:

- A. 10 ngành
- B. 11 ngành
- C. 12 ngành
- D. 13 ngành

Câu 231. Khẳng định nào đúng:

- A. ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân.
- B. ADPL là việc thực hiện pháp luật của CQNN và người có thẩm quyền.
- C. ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân, của CQNN và của người có thẩm quyền.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 232. Thi hành pháp luật:

- A. Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động
- B. Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực
- C. Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 233. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

- A. Thể hiện ở tính nhân dân, là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- B. Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ; Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở.
- C. Tổ chức và hoạt động của nhà nước trên cơ sở mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân.
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 234. Tòa án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật:

- A. Tòa án nhân dân cấp huyện
- B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định

C. Toà phúc thẩm toà án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định.

D. Cả B và C đều đúng

Câu 235. Một VBQPPL do CQNN hoặc người có thẩm quyền ban hành, hết hiệu lực khi:

A. Bị một văn bản được ban hành sau thay thế và văn bản đó đã có hiệu lực

B. Bị CQNN hoặc người có thẩm quyền bãi bỏ hay đình chỉ hiệu lực

C. Được CQNN hoặc người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 236. Quyết định ADPL:

A. Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt

B. Được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể

C. Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 237. Việc thực hiện các quyết định ADPL:

A. Bằng các biện pháp vật chất, tổ chức, kỹ thuật, kiểm tra việc thực hiện.

B. Có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 238. Các dấu hiệu của VBQPPL:

A. Có tính bắt buộc chung

B. Được áp dụng nhiều lần và lâu dài

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 239. Các dấu hiệu của VBQPPL:

A. Được áp dụng nhiều lần và lâu dài

B. Nếu chỉ áp dụng một lần thì hiệu lực của văn bản vẫn tồn tại mặc dù đã được thực hiện

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 240. Số lượng các biện pháp trách nhiệm hành chính:

A. Có 1 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung

B. Có 2 biện pháp xử phạt chính và 3 biện pháp xử phạt bổ sung

C. Có 2 biện pháp xử phạt chính và 2 biện pháp xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 241. Các biện pháp xử phạt chính trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

B. Phạt tiền, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Cảnh cáo, phạt tiền

Câu 242. Các biện pháp xử phạt bổ sung trong các biện pháp xử phạt hành chính:

A. Cảnh cáo, phạt tiền

B. Cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

C. Tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

D. Phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép

Câu 243. Nguyên tắc xử phạt hành chính:

A. Áp dụng biện pháp xử phạt chính và biện pháp xử phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập biện pháp xử phạt chính, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các biện pháp xử phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các biện pháp xử phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả biện pháp xử phạt chính và cả biện pháp xử phạt bổ sung

Câu 244. Nguyên tắc xử phạt hành chính:

A. Có thể áp dụng nhiều biện pháp xử phạt chính và nhiều biện pháp xử phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt chính và có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt bổ sung và có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử phạt chính

D. Chỉ có thể áp dụng một biện pháp xử phạt chính và một biện pháp xử phạt bổ sung

Câu 245. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung một cách độc lập

B. Áp dụng độc lập hình phạt chính, và áp dụng phụ thuộc hình phạt bổ sung

C. Áp dụng độc lập các hình phạt bổ sung, và áp dụng phụ thuộc các hình phạt chính

D. Áp dụng phụ thuộc cả hình phạt chính và cả hình phạt bổ sung

Câu 246. Nguyên tắc áp dụng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có thể áp dụng nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung

B. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt bổ sung

C. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt bổ sung và có thể áp dụng một hoặc nhiều hình phạt chính

D. Chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính và một hình phạt bổ sung

Câu 247. Số lượng các hình phạt trong trách nhiệm hình sự:

A. Có 10 hình phạt chính và 10 hình phạt bổ sung

B. Có 9 hình phạt chính và 9 hình phạt bổ sung

C. Có 8 hình phạt chính và 8 hình phạt bổ sung

D. Có 7 hình phạt chính và 7 hình phạt bổ sung

Câu 248. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình sự:

A. Phạt tiền là hình phạt chính

B. Phạt tiền là hình phạt bổ sung

C. Phạt tiền vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 249. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình phạt:

A. Trục xuất là hình phạt chính

B. Trục xuất là hình phạt bổ sung

C. Trục xuất vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung

D. Tất cả đều sai

Câu 250. Hình phạt tịch thu tài sản:

A. Là hình phạt chính

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 251. Hình phạt cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định:

A. Là hình phạt chính

B. Là hình phạt bổ sung

C. Vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 252. Trong các hình phạt của trách nhiệm hình phạt:

A. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là án phạt tù treo

B. Hình phạt cải tạo không giam giữ chính là hình phạt cảnh cáo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 253. Trên một tờ báo có viết “Đến tháng 6 năm 2006, Chính phủ còn “nợ” của dân 200 VBPL”, điều này có nghĩa là:

A. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 đạo luật

B. Chính phủ còn ban hành thiếu 200 văn bản hướng dẫn (văn bản pháp quy)

C. Quốc hội còn ban hành thiếu 200 đạo luật

D. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 254. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự có đặc điểm:

A. Bảo đảm sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa các chủ thể

B. Bảo đảm quyền tự định đoạt của các chủ thể

C. Truy cứu trách nhiệm tài sản của những người có hành vi gây thiệt hại cho người khác nếu có đủ điều kiện quy định về việc bồi thường thiệt hại.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 255. Điều kiện để một tổ chức được coi là pháp nhân:

A. Được thành lập hợp pháp; Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ

B. Có tài sản độc lập với tài sản của tổ chức, cá nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; Nhân danh mình tham gia vào các QHPL một cách độc lập

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 256. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 257. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. Mọi CQNN, những người có chức vụ cũng như mọi cán bộ, công chức, viên chức

B. TCXH, cơ quan xã hội

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 258. Chủ thể quản lý nhà nước:

A. TCXH, cơ quan xã hội

B. Công dân, người nước ngoài và người không quốc tịch

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 259. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Lệnh

B. Quyết định

C. Luật

D. Nghị quyết

Câu 260. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Lệnh

B. Quyết định

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 261. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 20 tháng 6 năm 2008, Chủ tịch nước CHXHCN Việt

Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII.

A. Nghị quyết

B. Quyết định

C. Luật

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 262. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt

Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh

B. Chỉ thị

C. Quyết định

D. Nghị quyết

Câu 263. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh

B. Chỉ thị

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 264. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh đại xá

B. Chỉ thị.....đặc xá

C. Quyết định.....đặc xá

D. Quyết định.....đại xá

Câu 265. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 25 tháng 8 năm 2007, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành công bố việc cho phạm nhân đợt hai năm 2007.

A. Lệnh.....đặc xá

B. Quyết định đại xá

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 266. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm đạo đức

B. Có thể bao gồm cả vi phạm đạo đức

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 267. Hành vi vi phạm đạo đức:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 268. Hành vi vi phạm tôn giáo:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 269. Hành vi vi phạm pháp luật:

A. Không bao giờ vi phạm tôn giáo

B. Có thể bao gồm cả vi phạm tôn giáo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 270. Hành vi vi phạm tập quán:

A. Không bao giờ vi phạm pháp luật

B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 271. Các vụ án hình sự:

- A. Không bao giờ liên quan đến phần dân sự
- B. Đa số liên quan đến phần dân sự
- C. Luôn liên quan đến phần dân sự
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 272. Hành vi vi phạm pháp luật :

- A. Không bao giờ vi phạm tập quán
- B. Có thể bao gồm cả vi phạm tập quán
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 273. Hành vi vi phạm pháp luật:

- A. Không bao giờ vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội
- B. Có thể bao gồm cả vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 274. Hành vi vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội:

- A. Không bao giờ vi phạm pháp luật
- B. Có thể bao gồm cả vi phạm pháp luật
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 275. Người nhận cầm cố tài sản có quyền gì đối với tài sản?

- A. Quyền sở hữu
- B. Quyền chiếm hữu
- C. Quyền sử dụng
- D. Quyền định đoạt

Câu 276. Khi tổng hợp nhiều bản án có hình phạt tù có thời hạn thì mức cao nhất là

- A. 20 năm
- B. 30 năm
- C. 35 năm
- D. 50 năm

Câu 277. yếu tố nào sau đây không thể hiện nội dung mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và sự thiệt hại của xã hội

- A. Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp
- B. Sự thiệt hại của xã hội là kết quả tất yếu
- C. Hậu quả của vi phạm pháp luật phù hợp với mục đích của chủ thể
- D. Hành vi xảy ra trước sự thiệt hại

Câu 278. Khi người chết thuộc thế hệ thứ 2 thì người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là:

- A. Vợ
- B. Con
- C. Bố mẹ nuôi
- D. Bố mẹ đẻ

E. Tất cả đều đúng

Câu 279. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là

- A. Không xác định được thời điểm kết thúc
- B. Có thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng
- C. Có thời hạn trên 36 tháng
- D. Tất cả đều đúng

Câu 280. Giao dịch dân sự bị vô hiệu khi:

- A. Vi phạm điều cấm của pháp luật
- B. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng
- C. Không tuân thủ quy định và hình thức
- D. Cả a và c đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 281. Nội dung của trách nhiệm pháp lý thể hiện

- A. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia
- B. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý
- C. Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý
- D. Việc chủ thể vi phạm pháp luật có nghĩa vụ gánh chịu hậu quả bất lợi

Câu 282. Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với tội rất nghiêm trọng là

- A. 60 ngày
- B. 45 ngày
- C. 2 tháng
- D. 3 tháng

Câu 283. Đối tượng không thuộc trường hợp có thể áp dụng tạm giữ là người bị bắt khi

- A. Người phạm tội tự thú, đầu thú
- B. Trường hợp khẩn cấp
- C. Phạm tội quả tang
- D. Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng

Câu 284. Trong thời hạn 15 đến 30 ngày phải mở phiên tòa xét xử được tính từ

- A. Ngày thẩm phán nhận được hồ sơ vụ án
- B. Ngày Viện kiểm sát chuyển hồ sơ sang tòa án
- C. Ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử
- D. Ngày có quyết định truy tố

Câu 285. Hình phạt được áp dụng khi

- A. Bản án có hiệu lực pháp luật
- B. Chấp hành xong án phạt tù
- C. Thi hành xong án phạt tiền
- D. Được hưởng án treo

Câu 286. Việc xét lại bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc giai đoạn

- A. Xét xử tái thẩm
- B. Xét xử sơ thẩm
- C. Xét xử phúc thẩm
- D. Xét xử giám đốc thẩm

Câu 287. Trình tự tố tụng được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây

- A. Điều tra - khởi tố - truy tố - xét xử
- B. Khởi tố - truy tố - điều tra - xét xử
- C. Truy tố - điều tra - khởi tố - xét xử
- D. Khởi tố - điều tra - truy tố - xét xử

Câu 288. Khi có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật sẽ được giải quyết theo trình tự:

- A. Giám đốc thẩm
- B. Tái thẩm
- C. Phúc thẩm
- D. Tất cả đều đúng

Câu 289. Năng lực pháp luật của pháp nhân chấm dứt khi pháp nhân:

- A. Không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng
- B. Bị giải thể
- C. Tất cả đều đúng
- D. Bị tuyên bố phá sản
- E. Cả b và c đúng

Câu 290. Quan hệ pháp luật hình thành do

- A. Ý chí của cá nhân tham gia quan hệ xã hội
- B. Ý chí của Nhà nước
- C. Ý chí của pháp nhân
- D. Ý chí của tổ chức xã hội

Câu 291. Một trong những điều kiện để di chúc bằng văn bản có người làm chứng có hiệu lực là

- A. Phải được công chứng, chứng thực
- B. Phải có một người làm chứng
- C. Phải đánh số từng trang
- D. Người làm chứng phải xác nhận chữ ký của người lập di chúc

Câu 292. Năng lực hành vi xuất hiện ở cá nhân khi

- A. Có khả năng nhận thức
- B. Được sinh ra
- C. Đạt đến độ tuổi nhất định
- D. Đạt đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức

Câu 293. Năng lực hành vi của pháp nhân xuất hiện

- A. Khi được cấp con dấu và mã số thuế
- B. Cùng với năng lực pháp luật
- C. Khi có quyết định thành lập pháp nhân
- D. Tất cả đều đúng

Câu 294. Sự biến pháp lý là những sự kiện thực tế:

- A. Không phản ánh ý chí của con người
- B. Phản ánh ý chí của con người
- C. Được pháp luật quy định
- D. Không phản ánh ý chí của con người và được pháp luật quy định

Câu 295. Hợp đồng dân sự được thể hiện qua hình thức

- A. Hợp đồng miệng
- B. Hợp đồng bằng văn bản không có công chứng, chứng thực
- C. Hợp đồng có công chứng, chứng thực
- D. Tất cả đều đúng

Câu 296. Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền xét xử

- A. Sơ thẩm vụ án hình sự có khung hình phạt đến chung thân hoặc tử hình
- B. Phúc thẩm bản án Hình sự của tòa án nhân dân cấp quận huyện chưa có hiệu lực pháp

luật

C. Phúc thẩm bản án hình sự của toà án nhân dân cấp tỉnh (thành phố) chưa có hiệu lực pháp luật

D. Tất cả đều đúng

Câu 297. Trong bộ máy nhà nước ta, cơ quan quyền lực Nhà nước là ?

A. Chính phủ

B. Chủ tịch nước

C. Ủy ban nhân dân

D. Quốc hội

Câu 298. Cơ quan hành chính Nhà nước trong bộ máy Nhà nước ta là:

A. Hội đồng nhân dân

B. Viện Kiểm sát nhân dân

C. Toà án nhân dân

D. Bộ tư pháp

Câu 299. Hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi

A. Chấp hành xong án phạt tù

B. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt là cảnh cáo

C. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt là cải tạo không giam giữ

D. Từ ngày được hưởng án treo

E. Cả a,b,c,d đều đúng

Câu 300. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là

A. Không xác định được thời điểm kết thúc

B. Có thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng

C. Có thời hạn trên 36 tháng

D. Tất cả đều đúng

Câu 301. Hệ thống cơ quan xét xử hiện nay bao gồm

A. Toà hình sự, Toà dân sự và các Toà khác

B. Toà sơ thẩm và Toà phúc thẩm

C. Toà án nhân dân huyện (quận), tỉnh (thành phố), Toà án nhân dân tối cao

D. Toà án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp

Câu 302. Công dân có quyền ứng cử vào Quốc Hội và Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật khi

A. Đủ 21 tuổi

B. Đủ 20 tuổi trở lên

C. Đủ 16 tuổi trở lên

D. Đủ 18 tuổi trở lên

Câu 303. Chủ thể có tự do ý chí để lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với ý chí của mình là dấu hiệu thuộc về

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực trách nhiệm pháp lý

C. Năng lực chủ thể

D. Năng lực hành vi

Câu 304. Người thừa kế tài sản là

A. Người đủ 18 tuổi vào thời điểm mở thừa kế

B. Người còn sống vào thời điểm mở thừa kế

C. Người không có tài sản

D. Là công dân Việt Nam

Câu 305. Phân chia thừa kế theo pháp luật khi

A. Phần tài sản không định đoạt theo di chúc

B. Người thừa kế chết trước hoặc chết chung thời điểm với người để lại thừa kế

- C. Người thừa kế theo di chúc từ chối nhận di sản
- D. Tất cả đều đúng

Câu 306. Người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là

- A. Con chưa thành niên
- B. Cháu đích tôn
- C. Con trưởng
- D. Con thứ

Câu 307. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân bị hạn chế khi

- A. Không có khả năng nhận thức
- B. Đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi
- C. Bị nghiện ma túy
- D. Tất cả đều sai

Câu 308. Cá nhân không có năng lực hành vi dân sự khi

- A. Nghiện rượu
- B. Bị Tòa án tuyên bố
- C. Bị mất trí
- D. Chưa đủ 6 tuổi

Câu 309. Trục xuất là hình phạt chỉ áp dụng với

- A. Người không có quốc tịch
- B. Công dân Việt Nam
- C. Người nước ngoài
- D. Cả a và c đúng

Câu 310. Tử hình là hình phạt

- A. Tước quyền công dân của người phạm tội
- B. Tước quyền sống của người phạm tội
- C. Cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội vĩnh viễn
- D. Tất cả đều đúng

Câu 311. Biện pháp cưỡng chế nào sau đây là hình phạt

- A. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- B. Cải tạo không giam giữ
- C. Án treo
- D. Tất cả đều đúng

Câu 312. Người được hưởng thừa kế

- A. Cháu (con của anh, chị người chết)
- B. của người chết
- C. Cháu nội, cháu ngoại của người chết
- D. Tất cả đều sai

Câu 313. Biện pháp cưỡng chế nào sau đây là hình phạt

- A. Phạt tiền
- B. Bắt tạm giam
- C. Đưa vào trường giáo dưỡng
- D. Tất cả đều sai